TỔNG CÔNG TY
CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
CẢNG HÀNG KHÔNG QT CAM RANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 981 /QĐ-CHKQTCR

Cam Ranh, ngày 29 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành giá một số dịch vụ tại Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh

GIÁM ĐỐC
CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ CAM RANH

Căn cứ Quyết định số 74/QĐ-HĐQT ngày 13/04/2016 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP về việc Thành lập Cảng HKQT Cam Ranh – Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam-CTCP;

Căn cứ Quyết định số 115/QĐ-HĐQT ngày 26/04/2019 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP về việc Ban hành quy chế phân cấp quản lý tài chính;

Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-HĐQT ngày 19/05/2020 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP về việc Ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh trực thuộc Tổng Công ty cảng hàng không Việt Nam – CTCP;

Căn cứ Công văn số 2491/TCTCHKVN-KDPTTT ngày 09/08/2021 của Tổng Công ty cảng hàng không Việt Nam - CTCP về việc Triển khai chính sách giá của Tổng Công ty theo Nghị quyết số 237/NQ-HĐQT ngày 22/07/2021;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính theo tờ trình số 266/TTr-KHTC ngày 29/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành theo Quyết định này giá một số dịch vụ tại Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh. *(Chi tiết theo phụ lục đính kèm).*

Điều 2: Tất cả các mức giá trong quyết định này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2024.

Quyết định này thay thế Quyết định số 264/QĐ-CHKQTCR ngày 28/09/2021 về việc ban hành giá một số dịch vụ tại Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh. Các hợp đồng đang còn hiệu lực vẫn giữ nguyên mức giá theo Quyết định 264/QĐ-CHKQTCR cho đến khi hết hạn hợp đồng.

Điều 4: Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- ACV (để b/cáo);
- Ban Giám đốc (để biết);
- Lưu VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

M.S.C.N: 0311638525-013 C.T.N.H.H
CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ CAM RANH
TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM-CTCP
TP. CAM RANH - T. KHÁNH HÒA

Nguyễn Bá Quân

TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ CAM RANH

PHỤ LỤC
GIÁ MỘT SỐ DỊCH VỤ TẠI CẢNG HKQT CAM RANH
(Đính kèm theo Quyết định số 981/QĐ-CHKQTCR ngày 29 tháng 12 năm 2023)

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức giá (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
I	**Dịch vụ phi hàng không phát sinh tại Cảng**			
1	**Dịch vụ cho thuê phòng khách VIP/CIP, và phục vụ khách VIP/CIP theo yêu cầu**			Giá dịch vụ bao gồm: Phòng chờ, nước uống, trái cây, bánh ngọt
1.1	Khách hàng là doanh nghiệp có ký hợp đồng thường xuyên	VNĐ/lần/khách	* 900.000 VNĐ/lần - Từ 5 khách trở xuống. * 180.000 VNĐ/khách - Từ khách thứ 06 trở lên. (Áp dụng khách trong nước). * 300.000 VNĐ/khách - Từ khách thứ 06 trở lên. (Áp dụng khách quốc tế).	
1.2	Khách hàng lẻ	VNĐ/lần/khách	* 1.500.000 VNĐ/lần - Từ 5 khách trở xuống. * 230.000 VNĐ/khách - Từ khách thứ 06 trở lên. (Áp dụng khách trong nước). * 300.000 VNĐ/khách - Từ khách thứ 06 trở lên. (Áp dụng khách quốc tế).	
2	**Dịch vụ cho thuê trang thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin và viễn thông**			

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức giá (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
2.1	Dịch vụ Cho thuê hạ tầng cáp quang, cáp đồng			
	Dịch vụ cho thuê, bảo dưỡng cáp quang	VNĐ/sợi/tháng	1.300.000	
2.2	Dịch vụ bộ đàm kỹ thuật số			
2.2.1	Dịch vụ cho thuê kênh của hệ thống bộ đàm kỹ thuật số	VNĐ/máy/năm	2.300.000	
2.2.2	Dịch vụ cho thuê bộ đàm kỹ thuật số	VNĐ/máy/năm	* 13.000.000 - Bộ đàm cầm tay	
			* 12.500.000 - Bộ đàm cố định trên phương tiện	
2.3	Dịch vụ điện thoại, dịch vụ điện thoại IP Phone, thông tin liên lạc, đường truyền Internet, dịch vụ chuyển tiếp Internet, dịch vụ chuẩn Ethernet			
2.3.1	Lắp đặt ban đầu	VNĐ/đường truyền/lần	1.818.182	Bao gồm chi phí vật tư, nhân công và không bao gồm thiết bị đầu cuối
2.3.2	Đường truyền internet	VNĐ/đường truyền/tháng	600.000	Bao gồm hạ tầng cơ sở và internet
2.3.3	Dịch vụ bảo trì Đảm bảo kỹ thuật cho tuyến cáp, đường truyền	VNĐ/đường truyền/tháng	300.000	Chỉ bao gồm hạ tầng cơ sở
3	**Dịch vụ cung cấp tiện ích cơ bản**			

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức giá (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
3.1	**Dịch vụ cung cấp nước**	VNĐ/m3	Đơn giá = [A+A x 20%]	- A: Đơn giá của các đơn vị đang cung cấp dịch vụ cho Cảng HKQT Cam Ranh - A x 20% : 10% phụ thu chi phí quản lý và 10% phí bảo vệ môi trường.
3.2	**Dịch vụ cung cấp điện**	VNĐ/Kwh	Đơn giá = [A+A x 10%]	- A: Đơn giá của các đơn vị đang cung cấp dịch vụ cho Cảng HKQT Cam Ranh - A x 10% : 10% phụ thu chi phí quản lý
4	**Dịch vụ hỗ trợ hành khách đi tàu bay**			
	Dịch vụ ưu tiên qua cửa kiểm soát an ninh đối với hành khách lên tàu bay	VNĐ/người	40.000	
5	**Dịch vụ nhà ga**			
5.1	Dịch vụ kiểm soát hoạt động phát tờ rơi	VNĐ/người/ngày	400.000	Kiểm duyệt nội dung và hình thức tổ chức
5.2	Dịch vụ quay phim; Dẫn đoàn quay phim, tham quan	VNĐ/giờ	* 1.000.000 cho 02 giờ đầu - Khu vực nhà ga; Sân đỗ ô tô. * 1.500.000 cho 02 giờ đầu - Khu vực hoạt động bay. * 500.000 cho 01 giờ tiếp theo.	Đối với quay phim tài liệu: Áp dụng 1/2 mức giá dịch vụ quay phim
5.3	Dịch vụ an ninh trật tự	VNĐ/tháng	1.000.000	Bảo đảm an ninh trật tự xung quanh khu vực cho thuê mặt bằng

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức giá (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
6	**Dịch vụ cung cấp, hỗ trợ hoạt động vận chuyển**			
6.1	Dịch vụ kiểm tra giám sát, hướng dẫn phương tiện vào khu vực hạn chế đón khách	VNĐ/lượt	* 1.050.000 : xe đầu tiên * 30.000 từ xe thứ 2 trở lên	
7	**Dịch vụ y tế**			
7.1	Dịch vụ phục vụ cấp cứu: - Cấp cứu và chuyển đi bệnh viện (đi Nha Trang hoặc Cam Ranh);	VNĐ/lượt/xe	* 550.000 : Đối với Hãng hàng không; các đơn vị thuộc dây chuyền hàng không * 1.500.000 : Đối với khách vãng lai	
7.2	Phục vụ cấp cứu, hỗ trợ y tế: - Sơ cứu tại chỗ.	VNĐ/khách	350.000	
8	**Dịch vụ tàu bay**			
8.1	Dịch vụ xử lý chất thải lỏng từ tàu bay	VNĐ/chuyến xe	700.000	
9	**Dịch vụ vệ sinh, xử lý chất thải, rác thải**			
9.1	Dịch vụ vệ sinh (Áp dụng đối với mọi tổ chức, cá nhân thuê mặt bằng kinh doanh)	VNĐ/tháng	1.000.000	
9.2	Dịch vụ xử lý chất thải; dịch vụ thu gom, xử lý chất thải, vận chuyển rác thải của dịch vụ kinh doanh tại nhà ga, bên ngoài nhà ga	VNĐ/kg	Đơn giá = [A+A x 10%]	- A: Đơn giá của đơn vị đang cung cấp dịch vụ cho Cảng HKQT Cam Ranh - A x 10% : 10% phụ thu chi phí quản lý

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức giá (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
10	**Dịch vụ cho thuê mặt bằng/vị trí**			
10.1	Dịch vụ cho thuê mặt bằng đặt máy ATM tại khu vực ngoài nhà ga	VNĐ/vị trí/tháng	3.000.000	
11	**Dịch vụ bến bãi**			
11.1	Cho thuê chỗ/vị trí đậu đỗ xe buýt, xe ô tô.			
11.1.1	Đối với vị trí tại Sảnh đón khách trước nhà ga	VNĐ/vị trí/tháng	* 1.815.000 - Đối với xe 16 chỗ * 2.640.000 - Đối với xe 29 chỗ	
11.1.2	Đối với vị trí tại Sân đỗ ô tô ngoài nhà ga	VNĐ/vị trí/tháng	* 1.200.000 - Đối với xe 4 - 7 chỗ * 1.300.000 - Đối với xe 8 - 16 chỗ * 1.650.000 - Đối với xe trên 16 chỗ	
12	**Dịch vụ khác**			
12.1	Dịch vụ cho thuê mặt bằng tập kết trang thiết bị tại khu vực sân đậu tàu bay	VNĐ/m2/tháng	50.000	
12.2	Dịch vụ cho thuê mặt bằng kho, phòng làm việc tại khu vực văn phòng	VNĐ/m2/tháng	100.000	
12.3	Dịch vụ cho thuê phòng làm việc, kho chứa hành lý thất lạc tại Nhà ga hành khách T1	VNĐ/m2/tháng	330.000	
12.4	Dịch vụ cho thuê mặt bằng khác ngoài nhà ga	VNĐ/m2/tháng	44.000	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức giá (chưa bao gồm thuế VAT)	Ghi chú
12.5	Dịch vụ cho thuê quầy L&F	VNĐ/quầy/tháng	2.000.000	
12.6	Dịch vụ cung cấp nước tinh khiết	VNĐ/m3	410.000	
12.7	Dịch vụ thu gom và xử lý chất thải nguy hại	VNĐ/Năm	Đơn giá = (A+A*10%)	- Đối với dịch vụ xử lý dầu, nhớt thải các loại: A = 9.000 đồng/kg/năm - Đối với các loại chất thải khác (trừ dầu, nhớt): * Nhỏ hơn hoặc bằng 50 kg: A = 10.000.000 đồng/năm * Từ 51 kg trở lên: A = 15.000 đồng/kg/năm
12.8	Dịch vụ cho thuê mặt bằng đặt quầy làm thủ tục hành khách tự động tại Nhà ga hành khách T1 (01 vị trí ≤ 1m2)	VNĐ/vị trí/tháng	1.500.000	

***Ghi chú:** Các mức giá trên là mức giá tối thiểu*